

Số: 09/2022-TNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

- Mã chứng khoán: TNT

- Địa chỉ: Tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A, phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894

- Fax: (84-4) 6251 0895

- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com

- Website: www.tainguyen.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT công bố Báo cáo thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn www.tainguyen.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
BC thường niên 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Người được ủy quyền
Phó TGĐ thường trực



VŨ TUẤN HOÀNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT



MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Ngành nghề ¹ và địa bàn kinh doanh.....	9
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	12
4. Định hướng phát triển.....	15
II. Tình hình hoạt động trong năm	18
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2. Tổ chức và nhân sự.....	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	50
4. Tình hình tài chính.....	52
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	54
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	55
2. Tình hình tài chính.....	56
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	57
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	57
5. Giải trình của Ban Giám đốc.....	58
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty.....	58
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	59
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	59
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	59
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	59
V. Quản trị công ty	60
1. Hội đồng quản trị.....	60
2. Ban Kiểm soát.....	61
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	62
VI. Báo cáo tài chính	64
1. Ý kiến kiểm toán.....	64
2. Báo cáo tài chính kiểm toán.....	64

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tập đoàn TNT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101881347
- Vốn điều lệ: 510.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 510.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0942060607 - Fax: (84-4) 6251 0895
- Website: www.tainguyen.vn
- Mã cổ phiếu: TNT
- Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
- Mã ISIN: VN000000TNT7
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Quá trình hình thành và phát triển

a. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tài Nguyên được hình thành dựa trên nền tảng các công ty sau:

- Công ty TNHH Dương Quân
 - Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên
 - Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên:
- Ngày 24/02/2006, Công ty TNHH Dương Quân được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/02/2006) với lĩnh vực hoạt động chính là bất động sản, khoáng sản và các dịch vụ tư vấn liên quan.
 - Ngày 25/8/2006, Công ty TNHH Dương Quân được đổi tên thành Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/8/2006). Công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản và tư vấn khoáng sản.

- Ngày 02/7/2007, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên 15 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/7/2007) và bổ sung thêm lĩnh vực một số lĩnh vực kinh doanh.
- Ngày 18/6/2008, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên thành 30 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 2 ngày 18/6/2008).
- Năm 2009 là năm bản lề do Công ty triển khai thêm mảng kinh doanh bất động sản với sự ra đời của Công ty Cổ phần sản bất động sản Tài Nguyên và góp vốn liên doanh xây dựng khu chung cư và văn phòng làm việc cho thuê tại Nhân Chính – Hà Nội. Công ty tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 85 tỷ (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 5 ngày 02/10/2009).
- Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện 3 lần phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Vốn thực góp sau khi tăng vốn là 85 tỷ đồng. Công ty trở thành Công ty đại chúng từ 02/12/2009 và đã đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN và được chấp thuận đủ điều kiện là Công ty đại chúng.
- Ngày 14/02/2011, Mã số doanh nghiệp đổi thành 0101881347 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 9 ngày 14/02/2011).
- Năm 2016, Công ty CP Tài Nguyên tăng vốn điều lệ của công ty lên thành 255 tỷ (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 13 ngày 25/02/2016).
- Năm 2021, Công ty CP Tài Nguyên đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn TNT (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 21 ngày 06/05/2021).
- Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức tăng vốn
Khi thành lập (02/07/2007)	15.000.000	15.000.000		Góp vốn ban đầu
Lần 1: 18/06/2008	30.000.000	30.000.000	15.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu theo quy định của Luật doanh nghiệp (*)
Lần 2: 04/12/2008	40.000.000	40.000.000	10.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp (**)
Lần 3: 10/06/2009	85.000.000	85.000.000	40.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp (***)
Lần 4: 01/02/2016	255.000.000	255.000.000	170.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu (****)
Lần 5 18/01/2022	510.000.000	510.000.000	255.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp (*****)

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

(*) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/QĐHĐCĐ-CPTN ngày 17/06/2008 thông qua việc phát hành cho 3 cổ đông hiện hữu.

Sau khi tăng vốn, vốn điều lệ thực góp là 30 tỷ đồng

(**) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng thông qua việc chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư bên ngoài theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tài Nguyên số 12/QĐ-CPTN ngày 22/11/2008.

HDQT Công ty quyết định phát hành cho 14 đối tượng theo Nghị quyết HDQT số 22 ngày 22/11/2008. Sau khi cổ đông nộp tiền, còn lại 500.000 cổ phiếu không mua hết HDQT Công ty phân phối tiếp cho 16 đối tượng khác, tổng cộng số lượng cổ đông đã nộp tiền của đợt tăng vốn từ 30 tỷ lên 40 tỷ là 30 người (trong đó có 1 cổ đông hiện hữu của Công ty). Vốn điều lệ thực góp là 40 tỷ đồng

(***) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 85 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 26 ngày 10/06/2009 như sau:

- Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư: 2.500.000 CP.
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu bao gồm cả cổ đông đăng ký mua nốt 500.000 cổ phiếu không mua hết được phân phối lại của đợt tăng vốn từ 30 tỷ lên 40 tỷ: 2.000.000 CP.

Tổng cộng số lượng đối tượng thực tế nộp trong đợt này là 79 cổ đông. Số cổ phiếu thực tế phát hành là: 4.500.000 cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành là: 47.105.000.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp là 85 tỷ đồng.

(****) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 85 tỷ đồng lên 255 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 02 ngày 15/08/2015 như sau:

- Số lượng phát hành: 17.000.000 cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
 - Số lượng phát hành: 17.000.000 cổ phiếu;
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
 - Tỷ lệ thực hiện : 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua 02 cổ phiếu mới)
 - Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết:
 - + Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Không có
 - + Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối không mua toàn bộ hoặc một phần và số cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi phân phối cho cổ đông hiện

hữu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phân phối lại cho các đối tượng khác theo tiêu chí của Hội đồng quản trị đề ra, với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần), đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

+ Xử lý cổ phần không bán hết: số lượng cổ phiếu không đăng ký mua hết sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác theo tiêu chí của Hội đồng quản trị đề ra, với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của các đối tượng được HĐQT phân phối cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

+ Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến: tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 65% số lượng chào bán. Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo dự kiến, để đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu cũng như nhằm đảm bảo nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị cân đối huy động nguồn vốn vay ngân hàng để thực hiện kế hoạch.

(*****) Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHCĐBT ngày 13/10/2021 của Đại hội cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 25.500.000 cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.

- Xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Trường hợp kết thúc đợt chào bán, nhà đầu tư không mua hết số lượng cổ phiếu dự kiến hát hành, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm kiếm và lựa chọn danh sách nhà đầu tư chào bán đáp ứng tiêu chí lựa chọn đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua với giá chào bán không thấp

hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán cho các nhà đầu tư đảm bảo tỷ lệ nhà đầu tư sở hữu sau phát hành phù hợp theo quy định của Pháp luật.

- Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2021, sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Hạn chế chuyển nhượng: 01 năm đối với các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2021/NQ-TNT ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc:
 - + Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 13/10/2021
 - + Thông qua cam kết Công ty CP Tập đoàn TNT không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật doanh nghiệp.
 - + Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty như sau: Công ty cam kết thực hiện chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.
 - + Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết.
 - + Thông qua việc đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo đúng quy định của pháp luật.
 - + Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT.

b. Niêm yết

Ngày 21 tháng 5 năm 2010 Công ty đã được sở GDCK thành phố HCM chấp thuận chính thức niêm yết 8,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá chào sàn là 24.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 10 tháng 03 năm 2016 Công ty đã được sở GDCK thành phố HCM chấp thuận niêm yết bổ sung 17 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 Công ty đã được sở GDCK thành phố HCM chấp thuận niêm yết bổ sung 25,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

c. Các sự kiện khác

♦ Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đã xong quy hoạch chi tiết 1/500 và đang cân nhắc triển khai các bước tiếp theo tùy theo tình hình thực tế của thị trường bất động sản và khả năng tài chính của Công ty.

♦ Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Hiện tại Công ty và các đối tác đang tiến hành các thủ tục để được duyệt quy hoạch 1/500.

♦ Ngày 26 Tháng 11 năm 2015 TNT đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 94/GCN - UBCK và đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 255 tỷ đồng.

♦ Năm 2021, Tập đoàn TNT đã liên tục ký kết hợp tác với nhiều đối tác, trong đó có thể kể đến Việt Tiên Sơn Địa ốc - doanh nghiệp kinh doanh đa ngành và Tập đoàn hàng đầu thế giới Boskalis. TNT không ngừng sáng tạo, nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, mở ra cơ hội phát triển mới.

♦ Ngày 27 tháng 12 năm 2021 TNT đã Trung tâm lưu lý chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung thêm 25,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh số 117/2010/GCNCP-VSD-3 và đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 510 tỷ đồng.

♦ Công ty và lãnh đạo chủ chốt đã nhận được những giải thưởng cao quý của Nhà nước trao tặng...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- Buôn bán thực phẩm các loại...v.v.

b. Tình hình hoạt động

Các lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh chính của Công ty là mua bán thực phẩm, đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ. Các dự án và hoạt động kinh doanh tiêu biểu sau:

• *Lĩnh vực khoáng sản*

Lĩnh vực khoáng sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty từ những ngày đầu thành lập, bao gồm 2 hoạt động chính: Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản.

Đối với hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, Công ty cũng đã đạt được những thành quả nhất định. Dự án khai thác quặng chì – kẽm hàm lượng thấp ở mỏ chì – kẽm của khu vực bán Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên để chế biến tinh quặng đạt tiêu chuẩn chất lượng nhằm cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trong nước và xuất khẩu. Nhà máy tại Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên được Công ty giao cho Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên quản lý. Công suất của của nhà máy hiện nay là 150 tấn quặng nguyên khai/ngày. Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ Quý IV năm 2009 và đã mang lại lợi nhuận cho Công ty. Do đặc điểm thân quặng tại mỏ khai thác, Công ty áp dụng kỹ thuật khai thác quặng nguyên khai lộ thiên. Sản phẩm tinh quặng chì kẽm của Công ty đạt hàm lượng chì, kẽm trên 50% và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định của Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản. Trong năm 2009, ngoài việc tiêu thụ nội địa, sản phẩm của Công ty đều xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong thời gian tới, Công ty định hướng tăng dần tỷ trọng tiêu thụ nội địa để đa dạng hóa đối tượng khách hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian thanh toán của đối tác và qua đó tăng khả năng quay vòng vốn.

Đối với hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản, tuy thời gian hoạt động chưa lâu nhưng cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty đã có kinh nghiệm tư vấn trình tự thủ tục

xin cấp phép khai thác khoáng sản. Hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản một mặt tạo thêm lợi nhuận, mặt khác giúp đội ngũ cán bộ nhân viên tích lũy thêm kinh nghiệm trong lĩnh vực xin cấp phép khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản của Công ty.

Tuy nhiên từ năm 2016 do những thay đổi về cơ chế chính sách cũng như các định hướng mới Công ty đã rút dần và tiến tới rút hoàn toàn khỏi lĩnh vực hoạt động kinh doanh này. Hiện tại Công ty chỉ tập trung vào các lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

- **Bất động sản**

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản của Công ty được triển khai bắt đầu từ năm 2009 với hai hoạt động chính là tư vấn, môi giới bất động sản và kinh doanh bất động sản.

Hoạt động tư vấn, môi giới bất động sản do chính Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT và Công ty con là Công ty Cổ phần sản bất động sản Tài Nguyên (Sau chuyển tên là Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên) thực hiện. Việc thành lập Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên nhằm tạo thêm kênh phân phối tiêu thụ các sản phẩm do Công ty triển khai. Ngoài ra, Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên cũng được Công ty mẹ hỗ trợ về tài chính để chủ động tìm kiếm thêm nguồn hàng trên thị trường bất động sản cung cấp cho sản giao dịch.

Một số dự án bất động sản chủ yếu:

- ✓ *Một là, Dự án khu nhà ở và văn phòng làm việc cao cấp Nhân Chính:* Diện tích dự án gần 10.000m². Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng. Cty CP Tài Nguyên tham gia 25%, dự án hiện tại đã xong phần xây thô, chuẩn bị đi vào giai đoạn hoàn thiện.
- ✓ *Hai là, Dự án khu nhà ở đô thị tại huyện Gia Lâm, Hà Nội:* Diện tích gần 20ha. Tổng vốn đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng. Dự án đang hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư và sẽ sớm được triển khai.
- ✓ *Ba là, Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity:* Diện tích 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng. Hiện đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và chuẩn bị các bước triển khai tiếp theo.
- ✓ *Bốn là, Dự án Khu nhà ở tại thành Phố Điện Biên:* Tổng diện tích 6,5ha tại thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên tham gia 65% dự án. Dự án đang đi vào giai đoạn hoàn thiện.

- **Kinh doanh vật liệu xây dựng và thương mại**

- ✓ **Kinh doanh vật liệu xây dựng:** Công ty định hướng mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Các đối tác của công ty là các công ty kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, do đó Công ty có nhiều lợi thế về quan hệ kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty sẽ trực tiếp cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án do Công ty làm chủ đầu tư nhằm tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- ✓ Ngoài ra Công ty cũng đang tiến hành triển khai một số hoạt động kinh doanh thương mại khác để đa dạng hóa hoạt động cũng như tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- **Kinh doanh mua bán thực phẩm đông lạnh**

- ✓ Năm 2021 là năm mở rộng mảng kinh doanh mua bán thực phẩm đông lạnh. Công ty có nhiều đơn hàng khiến doanh thu năm 2021 của mặt hàng này chiếm 84,63% trên tổng doanh thu cả năm 2021 của TNT.

c. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh chủ yếu của công ty là tại Hà Nội, Thành phố HCM, Đà Nẵng và một số tỉnh thành khác như Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu... v.v.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

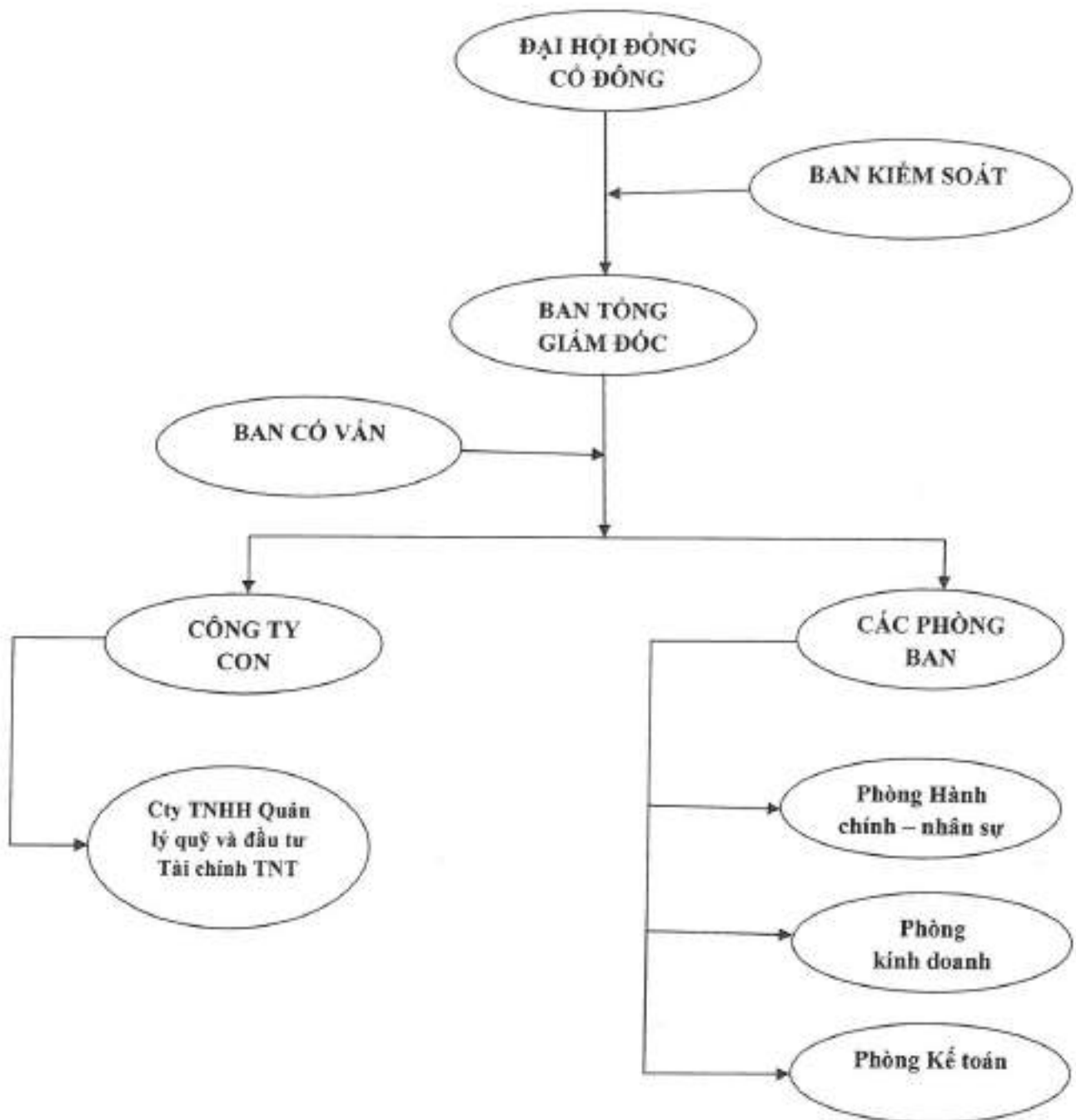
a. Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- ❖ Điều lệ Công ty được sửa đổi theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP và được thông qua tại ĐHCĐ thường niên ngày 25/06/2018.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



- Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên được đổi tên thành Công ty Quản lý quỹ và Đầu tư tài chính TNT
- Ngoài ra Nghị Quyết HĐQT số 10/2021/NQ-TNT ngày 09/12/2021 về việc góp vốn thành lập Công ty Xuất nhập khẩu Tài Nguyên: Vốn điều lệ 30 tỷ, trong đó TNT góp 27 tỷ chiếm 90%. Tuy nhiên năm 2021 TNT chưa thực hiện góp vốn vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Tài Nguyên này.

c. Các công ty con, công ty liên kết

1. Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT (Tên cũ là: Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Tài Nguyên)

- Địa chỉ: Km 28 thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108268549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2018.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đ (Năm mươi tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ theo đăng ký kinh doanh: 100% vốn điều lệ.

+ Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 tại thời điểm 31/12/2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT thực hiện đầu tư, liên kết và góp vốn vào các công ty sau:

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Tinh Điện Biên

- Địa chỉ: dự án khu nhà ở tân thanh, tổ 21 phường him lam, thành phố điện biên phủ tỉnh điện biên
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 10) số 5600234432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Điện biên cấp ngày 25/08/2020.
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình điện, cấp thoát nước, viễn thông thông tin liên lạc, công trình công ích khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...v.v.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (bên B) và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tinh Điện biên (Bên A) ký ngày 05 tháng 01 năm 2016 về hợp tác đầu tư Dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên". Mục đích của Hợp đồng là đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích là 13.323 m² để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Bên B đã góp vốn bằng tiền chuyển khoản là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án (tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng). Hai bên phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng

mức đầu tư của Dự án. Tại ngày 31/12/2021, dự án đã hoàn thành, đang thực hiện hoàn thiện thủ tục pháp lý để bán.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Tối đa hoá hiệu quả đầu tư chung của Công ty.

- Hướng tới một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng và thương mại dịch vụ.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuyên nghiệp và năng động, Công ty cổ phần Tập đoàn TNT từng bước phát triển, đã và đang khẳng định trở thành đối tác tin cậy của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Liên danh liên kết với một số tổ chức, doanh nghiệp để triển khai các dự án lớn, nâng cao vị thế của công ty.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm, ban hành cơ chế điều hành, cơ chế phân phối lợi ích và hoạt động của công ty để nâng cao trách nhiệm, khuyến khích người lao động và cổ đông đóng góp phần xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

- Thường xuyên quan tâm đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, cùng với việc đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng được tốc độ phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Với chiến lược phát triển nhanh, đúng đắn, công ty đang vươn tới mục tiêu trở thành công ty niêm yết có vốn hóa lớn trên sàn GDCK HCM.

- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư kinh doanh BĐS: định hướng đây là lĩnh vực kinh doanh chính của công ty. Lĩnh vực này được Công ty bắt đầu triển khai từ năm 2009. Ngoài việc mang lại lợi nhuận, lĩnh vực này còn hỗ trợ cho các hoạt động xây lắp, thương mại vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác cùng phát triển. Phần đầu trong tương lai, Công ty sẽ trở thành một doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực đầu tư bất động sản tại Việt Nam.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính có liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty luôn ý thức về việc phát triển là phải bền vững. Ở các tỉnh, thành phố hay địa phương nơi công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn có các hoạt động về môi trường, xã hội và cộng đồng, công ty luôn ý thức đó là một phần trách nhiệm của mình, phát triển của công ty luôn gắn với trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn có những chương trình, kế hoạch cụ thể liên quan đến ngắn hạn và trung hạn để phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững cũng như bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

Thuận lợi

Chính sách của Nhà nước về khoáng sản

Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 được Quốc hội khoá XII thông qua năm 2020 đã bộc lộ nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện. Nhà nước có quy định chặt chẽ hơn việc quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản của Nhà nước, bỏ quy chế xin cho các mỏ khoáng sản. Đây là rào cản đối với các đối thủ gia nhập ngành khoáng sản.

Theo đó, Nhà nước bảo đảm khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả. Hiện nay, việc khai thác khoáng sản đang bị người dân khai thác trái phép, lãng phí chính vì vậy mà nhà nước phải có những chính sách, biện pháp để bảo vệ nguồn tài sản này của quốc gia.

Chính sách của Nhà nước Luật kinh doanh Bất động sản và xây dựng

Nghị định mới ban hành số 02/2022/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bất động sản 2014. Đây là Nghị định được đón chờ bởi nhiều nội dung mới tác động đến hoạt động trên thị trường bất động sản.

Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV ngày 17/06/2020 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14. Thời gian cấp giấy phép xây dựng được rút ngắn từ 30 ngày như hiện nay xuống còn 20 ngày giúp giảm bớt thời gian chờ cho các cơ quan tổ chức và cá nhân.

Kinh nghiệm và năng lực của Ban quản trị điều hành

TNT có một Ban quản trị điều hành là những người có năng lực, kinh nghiệm, và nhiệt huyết trong các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty (khoáng sản và bất động sản); đồng thời có nhiều quan hệ và thông tin liên quan đến các địa điểm mỏ trữ lượng lớn và các dự án bất động

sản. Đây là một trong những nhân tố then chốt giúp Công ty luôn khai thác được cơ hội, chủ động đối phó được với thách thức để không ngừng lớn mạnh.

Áp dụng các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm

Đội ngũ chuyên gia của Công ty được đúc rút nhiều kinh nghiệm thông qua quá trình sản xuất thử, do đó, chi phí sản xuất càng năm về sau giảm so với những năm trước. Hơn nữa, Công ty đã đi vào giai đoạn hoạt động ổn định sau giai đoạn sản xuất thử năm 2009 nên sản lượng và chất lượng sản phẩm của Công ty những năm tới dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng ổn định.

Khó khăn

Sự thay đổi của chính sách thuế

Về việc thực thi chính sách thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, gia công kim loại, bà Nguyễn Thị Cúc, Chủ tịch Hội tư vấn thuế Việt Nam nêu vấn đề: Theo nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế) thì những sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm được miễn thuế giá trị gia tăng.

Nhưng trên thực tế, các doanh nghiệp và cả cơ quan hải quan không biết làm thế nào để xác định tỷ lệ giá trị khoáng sản và năng lượng trong tổng giá thành sản phẩm. Nhiều doanh nghiệp không kịp nắm bắt những thay đổi về thủ tục, chính sách thuế nói riêng và pháp luật liên quan đến sản xuất kinh doanh nói chung.

Vì vậy, rất nhiều doanh nghiệp phải chấp nhận chịu thiệt và đóng thuế.

Giá cả nguyên vật liệu tăng

Ngày 15/3, một loạt Doanh nghiệp thông báo điều chỉnh giá bán với sản phẩm thép cuộn xây dựng và thép xây tăng thêm 600.000 đồng/tấn. Năm 2021 giá thép tại một số Doanh nghiệp vượt 19 triệu đồng/tấn. Đó là lần tăng giá thép thứ 3 trong vòng nửa tháng đó. Từ ngày 20/3 tăng xi măng thêm 100.000 đồng/tấn sản phẩm để bù đà tăng của chi phí đầu vào. Nhiều loại mặt hàng tăng mạnh, giá thép, cát, gạch, xi măng ... đồng loạt tăng giá làm nhiều chủ thầu xây dựng lao đao, nhiều công trình lo vỡ tiến độ, thua lỗ.

Điều kiện tự nhiên

Chín tháng năm 2021, dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, đợt dịch kéo dài từ tháng 7 đến nay tại các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và Hà Nội phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 trong thời gian dài đã ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng kinh tế (GDP) cả nước, theo đó, GDP quý III/2021 có mức giảm sâu nhất kể từ khi tính và công bố GDP theo quý tại Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

***Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

Một số chỉ tiêu chính:

- Tổng tài sản: 586.188 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: 552.657 tỷ đồng
- Doanh thu: 640.949 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 29.736 tỷ đồng

Trong năm 2021 Tuy dịch bệnh COVID-19 vẫn nghiêm trọng nhưng Công ty tìm kiếm được mảng mua bán thực phẩm, đơn hàng tăng lên, bên cạnh đó còn mua bán thương mại vật liệu xây dựng (thép) dẫn đến Doanh thu 2021 của Công ty tăng mạnh

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Tổng tài sản	352.614	-	586.188	-
2	Vốn chủ sở hữu	268.008	-	552.657	-
3	Doanh thu	12.866	200.000	640.949	220%
4	Lợi nhuận sau thuế	-2.665	20.000	29.736	49%
5	EPS (đồng/CP)	-105	627	1.111	77%

Năm 2021 tuy dịch bệnh COVID-19 vẫn nghiêm trọng nhưng Công ty mẹ có nhiều đơn hàng mảng mua bán thực phẩm (thực phẩm đông lạnh) dẫn đến Doanh thu năm /2021 của Công

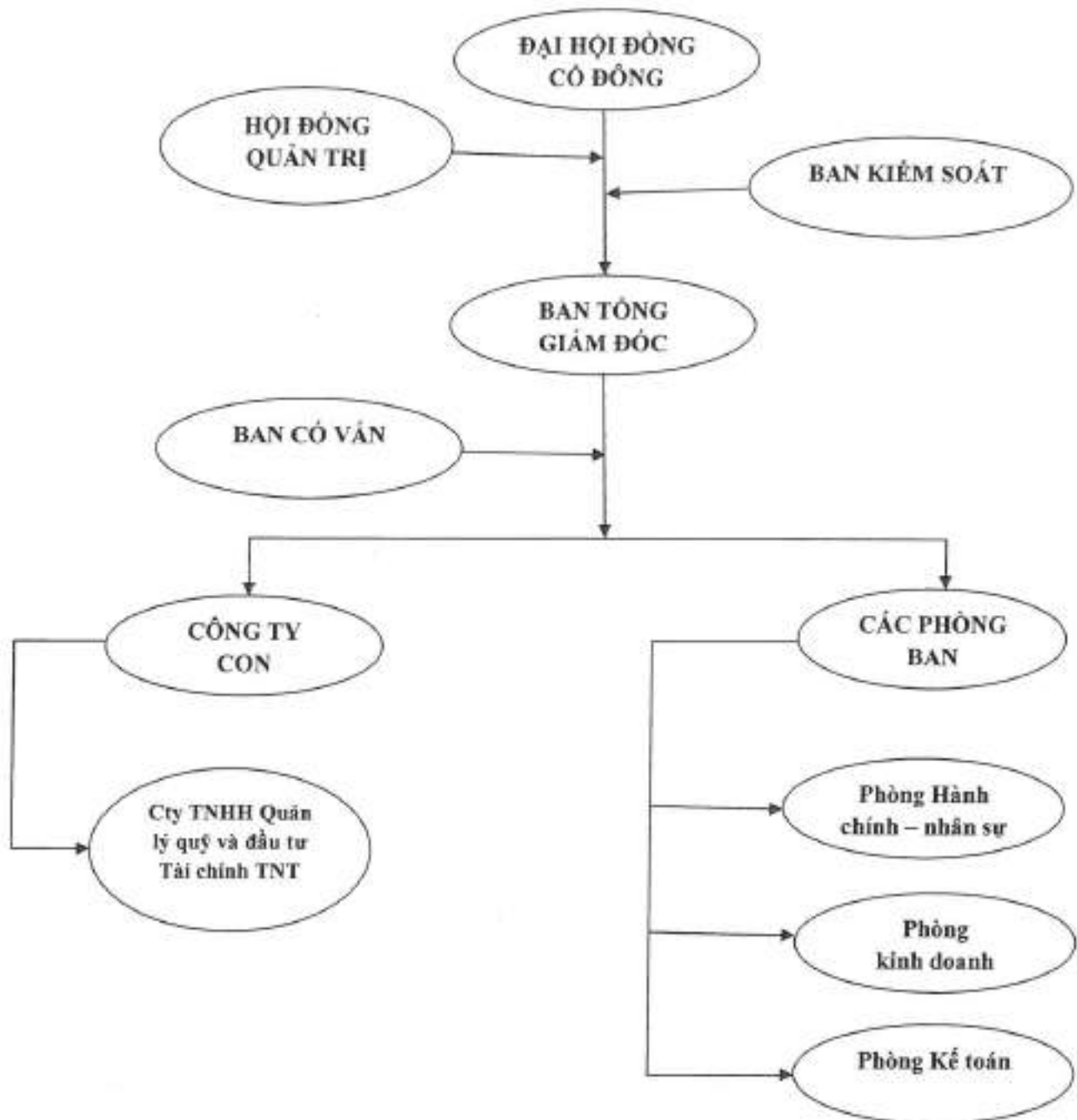
ty mẹ tăng mạnh so với năm trước tăng 220%. Còn hoạt động kinh doanh của công ty mẹ là kinh doanh bất động sản, xây dựng thì các Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên đang trong quá trình hoàn thiện về thủ tục dự kiến Quý II/2022 đối với Dự án Khu nhà ở Phía Tây Sông Nậm Rốm và năm 2024 đối với Khu nhà ở Tân Thanh; Dự án Tổ hợp thương mại, tài chính, dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã có Giấy phép xây dựng và Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11, Khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn đầu của Dự án. Chính vì vậy Công ty đã hoàn thành được kế hoạch đã đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 17/06/2020.
- ❖ Điều lệ Công ty được sửa đổi theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/06/2018.

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT công ty có 05 thành viên. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Bá Huấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Nguyễn Thế Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT

Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Văn Giáp	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Trâm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Ban giám đốc của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Bá Huấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/05/2021
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021
Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng được Tổng giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm.

Bà Vũ Thị Hồng Nhung Kế toán trưởng

Phòng Kế toán

Phòng Kế toán chịu trách nhiệm báo cáo cho Ban giám đốc về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện vai trò tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về công tác hoạt động tài chính trong Công ty; theo dõi, kiểm tra và lập báo cáo về tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; giám sát hạch toán kế toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc, hạch toán chi phí của từng đối tượng theo chế độ kế toán ban hành; tham mưu cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chế độ quản lý tài chính, kế toán theo quy định của Nhà nước và của Công ty; lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; lập kế hoạch thu chi, theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức-Hành chính chịu trách nhiệm quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu; quản lý hồ sơ lao động, sổ bảo hiểm xã hội, thực hiện quản lý lao động, tiền lương và các chế độ đối với CBCNV; tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự cho nhu cầu phát triển của Công ty; xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV; thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu của

Công ty; quản lý cơ sở vật chất của Công ty, thu mua văn phòng phẩm, giữ gìn môi trường, vệ sinh trong khuôn viên Công ty, điều phối tài xế phục vụ công tác cho CBCNV; đảm bảo công tác an toàn trong lao động, phòng cháy chữa cháy.

Phòng Kinh doanh

Trong các công ty, phòng kinh doanh giữ vai trò thúc đẩy, quảng bá và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp đến tay người tiêu dùng bằng cách áp dụng rất nhiều phương thức khác nhau. Đồng thời giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám đốc và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác trong công ty như phòng hành chính, phòng kế toán, phòng tài chính... để xây dựng các chiến lược kinh doanh nhằm gia tăng doanh số, lợi nhuận, giúp công ty tăng trưởng và phát triển ngày càng thêm vững mạnh.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Long - Chủ tịch HĐQT

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Gia Long

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 21/05/1977

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hà Nội

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 012636740

Ngày cấp/Date of issue: 30/11/2006 Nơi cấp/Place of issue: Hà Nội

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Số 61, ngõ 562, đường Láng, Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, HN

9/ Số điện/Telephone number: 0932.070707

10/ Địa chỉ email/Email: longlstn@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Chủ tịch HĐQT

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Mục 16

14/ Số CP nắm giữ: 16.500.020 cổ phần, chiếm 32,35 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares ... , accounting for ...% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 16.500.020 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Số Số	Mã CK Sơ rút + tên họ	Họ tên Name	Tên khoản giáo dục chính khóa (nếu có) School for training accoun tants (if availab le)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the compa ny (if availab le)	Mối quan hệ đến với công ty/ người khai báo Relation ship with the compa ny/ person	Loại hình Giấy NSH(*) /Passpo rt Giấy ĐKKD) Type of docum ent/ ID/Pass port/ Busines s Registr ation Certifi cate)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address /Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cá nhân Số cổ phiếu mua ở thời gian đến cuối của thời gian	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tuyệt đối Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu mua ở thời gian đến cuối của thời gian	Thời điểm kết thúc đầu tiên ngày sở hữu cổ phiếu rời bỏ Time the share was sold on the end of the period	Thời điểm kết thúc cuối của vòng cổ phiếu mua ở thời gian đến cuối của thời gian Time the share was purch ased on the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu sinh đạo đến ngày 13 và 14) Share ac quired on 13 and 14)	Ghi chú (nếu không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Note (if not a share No. and other note)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	TNT	Nguyễn Gia Lương	04500 95773	Chủ tịch HĐQT		CMND	912056 746	30/11/ 2006	Hà Nội	Số 11, ngõ 562, Đường Láng, Phường Láng, Hà quận Đống	1.224 920	4,6%	01/1/ 2007				

										Đã HN							
LĐ 1	TNT	Nguyễn Thị Bích			Mẹ đẻ	CMND	110207 643	25/07/ 2007	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.000	0,01%	02/7/ 2007				
LĐ 2	TNT	Nguyễn Gia Ngạn			Bố đẻ	CMND	111120 999	25/07/ 2007	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/7/ 2007				
LĐ 3	TNT	Bà Thị Thủy Hằng			Vợ	CMND	012402 362	28/07/ 2001	Hà Nội	Số 61, ngõ 562, đường Láng, Phước Láng Hà, quận Đống Đa, HN	0	0%	02/7/ 2007				
LĐ 4	TNT	Nguyễn Gia Quân			Con trai					Số 61, ngõ 562, đường Láng, Phước Láng Hà, quận Đống Đa, HN	0	0%	02/7/ 2007				Còn sống, không có CMND
LĐ 5	TNT	Nguyễn Quỳnh Chi			Con gái					Số 61, ngõ 562, đường Láng, Phước Láng Hà, quận Đống Đa, HN	0	0%	02/7/ 2007				Còn sống, không có CMND
LĐ 6	TNT	Nguyễn Thị Liên			Em gái	CMND	111605 211	4/7/20 00	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.000	0,01%	02/7/ 2007				
LĐ 7	TNT	Nguyễn Gia Khoa			Em trai	CMND	011800 283	17/02/ 2009	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	19.000	0,06%	02/7/ 2007				
LĐ 8	TNT	Trần Văn			Em rể	CMND	111383 551	06/11/ 2008	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/7/ 2007				

		Họ							Văn, Chương M5, Hà Nội					
1.0 9	TNT	Tên Thu Đang		Em đia	CMND	001182 02288	10/02 019	Hà Nội	Tầng 2, Đông Phương Yên, Chương M5, Hà Nội	0	0%	02/7/ 2007		
1.1 0		Công ty CPĐT và PT Nhà Hà Nội số 41		Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Long	GCND KDN	010163 1330	12/02 005	Số KH và ĐT đành phố Hà Nội	Tầng 19 Tòa nhà Thăng Long, số 55 phố Ngọc Như Kun Tam, phường Nhật Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	13/11/ 2015		Ông Nguyễn Gia Long là TGD Công ty CPĐT và PT Nhà Hà Nội số 41
1.1 1		Công ty Cá phân Khu đô thị Nam Thường Chinh		Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Long	GCND KDN	43084 1794	26/02 019	Số KH và ĐT sinh Quảng Nam	Là ĐT số đường Trương Quang Cẩn, Khu đô thị Ngọc Đào Vườn, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, sinh Quảng Nam	0	0%	17/11/ 2019		Ông Nguyễn Gia Long là Chủ tịch HĐQT Công ty Cá phân Khu đô thị Nam Thường Chinh
1.1 2		Công ty Cá phân Tây đơn Mường Phước		Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Long	GCND KDN	010112 9472	29/10/ 2018	Số KH và ĐT hành phố Hà Nội	Phòng 805, Tòa nhà Thăng Long, số 58A phố Ngọc Như Kun Tam, Phường Nhật Chinh, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	05/10/ 2018		Ông Nguyễn Gia Long là TGD Công ty Cá phân Tây đơn Mường Phước
1.1 3		Công ty Cá phân		Tổ chức có liên quan	GCND KDN	940175 7076	16/01/ 2019	Số KH và ĐT	Villa B1 - The	0	0%	16/01/ 2019		Ông Nguyễn Gia Long

		MBL và Da Nang		Ông Nguyễn Gia Long				Thành phố Đà Nẵng	Quận Sơn Trà - Điện Ngòi, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng						là TGD Công ty Cổ phần MBL và Da Nang
1.1	4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại VN CCD		Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Long	CCND KDN	0317202316	27/2/2019	Số KH và Đầu tư Thành phố HCM	Số 294 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 4, Quận 3, TP HCM	0	0%	22/10/2019			Ông Nguyễn Gia Long là Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại VN CCD
1.1	5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hưng		Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Long	CCND KDN	2991263835	12/12/2018	Số KH và Đầu tư Tỉnh Nghệ An	Tầng 2, Tòa nhà Trung tâm Điện lực và chức năng, số 22 đường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	12/12/2018			Ông Nguyễn Gia Long là Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hưng

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không

Ông Nguyễn Bá Huân – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

1/ Họ và tên: Nguyễn Bá Huân

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 30/04/1977

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ Số CMND: 001077004610

Ngày cấp: 10/05/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

9/ Số điện thoại: 0942.060607

10/ Địa chỉ email: nguyenuantn@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm ngày 12/05/2021)

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Mục 16

14/ Số CP nắm giữ: 3.299.000 cổ phần chiếm 6,48% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 3.299.000 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nổi bật	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND / Passport / Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ cư trú (nếu có) / Địa chỉ làm việc	Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nổi bật	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nổi bật	Lý do khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 17 và 18)	Ghi chú (nếu việc không có sở hữu cổ phiếu và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Nguyễn Bá Tuấn	0400209979	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		CMND	091073894610	26/3/2015	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	1.299.000	5,09%	02/07/2007			
1.8	TNT	Nguyễn Thị Hằng			Mã ĐK	CMND	110207842	06/10/1971	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà	0	0%	02/07/2007			

									Nơi						
1.0 2	TNT	Nguyễn Đà Hồng			Bộ đề	CMND	11175 3257	30/7/19 82	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		
1.0 3	TNT	Nguyễn Thu Hoàn			Vụ	CMND	1126 87380	28/11/2 007	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.00 0	0,01 %	02/07/ 2007		
1.0 4	TNT	Nguyễn Thanh Hà			Cao gỗ					Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		Cán bộ, chưa có CMND
1.0 5	TNT	Nguyễn Đà Hoàng Việt			Cán sai					Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		Cán bộ, chưa có CMND
1.0 6	TNT	Nguyễn Thu Huyền			Em gà	CMND	11254 1483	04/8/20 06	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		
1.0 7	TNT	Nguyễn Đà Thắng			Em sai	CMND	11156 2442	05/6/19 96	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.00 0	0,01 %	02/07/ 2007		
1.0 8	TNT	Nguyễn Thu Tuyền			Em gà	CMND	11248 7375	28/11/2 007	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		
1.0 9	TNT	Nguyễn Đà Thu			Em sai	CMND	11084 5177	12/5/20 07	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.00 0	0,01 %	02/07/ 2007		
1.0 0	TNT	Nguyễn Văn Thuần			Em rẻ	CMND	00187 50041 5	26/05/2 015	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		

L1 1	TNT	Nguyễn Hồng Vy			Em ruột	CMND	11248 3336	28/11/2 007	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		
L1 2	TNT	Trần Văn Thành			Em ruột	CMND	11200 5997	15/08/2 005	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	02/07/ 2007		
L1 3	TNT	Nguyễn Thị Hồng Nhung			Em ruột	CMND	01218 70000 18	27/05/2 015	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	01/07/ 2007		
L1 4		Công ty Cổ Phần Tập đoàn Mường Thung			Tổ chức liên quan đến Ông Nguyễn Bá Tuấn	GCND KDN	01011 20472	29/10/2 018	Số KH và ĐT tại Hà Nội	Phòng 005, Tòa nhà Thống Lạc, số 05A phố Ngọc Như Kow Tuan, Phường Nhật Chinh, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	05/10/ 2018		Ông Nguyễn Bá Tuấn là thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Tập đoàn Mường Thung
L1 5		Công ty TNHH Vườn Sinh thái Long Điền			Tổ chức liên quan đến Ông Nguyễn Bá Tuấn	GCND KDN	01046 69918	20/10/2 018	Số KH và ĐT tại Hà Nội	Số 32 đường K3, Khu dự án Cầu 1 Thống Lạc, môn Đống 1, Xã Cổ Nương, Huyện Tô Lĩnh	0	0%	26/10/ 2018		Ông Nguyễn Bá Tuấn là thành viên HĐQT Công ty TNHH Vườn Sinh thái Long Điền

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng (nếu có): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng (nếu có): Không

Ông Nguyễn Gia Minh – Thành viên HĐQT

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Gia Minh

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 08/04/1984

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hà Nội

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 111845941

Ngày cấp/Date of issue: 26/5/2009 Nơi cấp/Place of issue: Hà Nội

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Thôn 2, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

9/ Số điện thoại/Telephone number: 0889.131313

10/ Địa chỉ email/Email: giaminh11102@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên HĐQT

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Mục 16

14/ Số CP nắm giữ: 2.000 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares , accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 2.000 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Số	Mã CK, Serv code	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities ID (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position or the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nắm giữ (nếu có) Relation ship with the company / Interest person	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trú tại chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số số phiếu sở hữu của công ty/ Number of shares owned	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nắm giữ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nắm giữ	Lý do (khi phải giải thích)	Ghi chú (nếu việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Note (if applicable)
----	------------------	--------	---	---	---	------------------------	-----------------	------------------------	------------------------	--	--	--	--	--	-----------------------------	--

			địa			document/ ID/Pas port/ Business / Register ation Certificate)					at the end of the period	end of the period	Time the person has been an affiliated person or member of person a	person cannot to be an affiliated person / member / person	other article 2 change or related to article 13 and 14)	DDF No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Nguyễn Già Minh		Thành viên HĐQT		CMND	11184 5941	26/5/2 009	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	2,00 0	0,01 %	18/6/ 2008			
1.0 1	TNT	Nguyễn Thị Phương			Mé đé	CMND	01129 7617	02/02/ 2012	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.0 2	TNT	Nguyễn Già Phú			Bồ đé	CMND	11115 56217	15/8/1 995	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1. 03	TNT	Nguyễn Già Cương			Ánh mai	CMND	11113 22960	20/2/1 995	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.0 4	TNT	Nguyễn Già Khai			Ánh trai	CMND	11155 3221	30/5/1 995	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.0 5	TNT	Nguyễn Già Binh			Ánh mai	CMND	11115 47974	4/5/19 96	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.0 6	TNT	Nguyễn Thị Thủy Đương			Chi giê	CMND	11114 83661	03/08 0010	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.0 7	TNT	Lê Nguyễn Ánh			Và	CMND	01279 4388	24/4/2 005	Hà Nội	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			

1.0 8	TNT	Nguyễn Gia Mình Khánh			Con trai					Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			Con nhỏ, chưa có CMND
1.0 9	TNT	Nguyễn Thu Anh Tuyết			Chị đầu	CMND	01712 3145	08/10/ 2009	Hà Tây	Thôn 1, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.1 6	TNT	Đinh Quốc Huy			Anh rể	CMND	11122 9526	15/01/ 2007	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.1 1	TNT	Phạm Thị Lan			Chị đầu	CMND	11248 3067	22/11/ 2007	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.1 2	TNT	Nguyễn Thị Ty			Chị đầu	CMND	11207 3588	03/09/ 2003	Hà Tây	Thôn 2, Đông Phước Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0	0%	18/6/ 2008			
1.1 3		Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên			Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Gia Mình	GCND KDN	01009 03675	28/09/ 2009	Số 801 và ĐT Thành phố Hà Nội	Tầng 5, số nhà 34, phố Nguyễn Thị Định, phương Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	15/7/ 2014			Ông Nguyễn Gia Mình là TGB Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không

Ông Vũ Tuấn Hoàng – Thành viên HĐQT

1/ Họ và tên: Vũ Tuấn Hoàng

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 27/04/1971

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ Số CMND: 001071003729

Ngày cấp: 26/03/2015

Nơi cấp: Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

9/ Số điện thoại: 090.323.0945

10/ Địa chỉ email: anhngoc.230505@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên HĐQT, Phó TGD thường trực, Người được ủy quyền công bố thông tin (Theo Giấy ủy quyền số 01-2021/GUQ-TNT ngày 19/05/2021).

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

14/ Số CP nắm giữ: 154.300 cổ phần chiếm 0,3% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 154.300 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Số	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ D/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Đời cấp	Địa chỉ tư nhân/ kinh/ Địa chỉ làm việc	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm kết thúc là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mã 13 và 14)	Chi chi về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Vũ Tuấn Hoàng	0860037209	Thành viên HĐQT, Phó TGD thường trực, Người được ủy quyền (BTT)		CMND	001071/003729	26/03/2015	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	17.000	0,07%		25/06/2018		

1.0 1	TNT	Vũ Tuấn Đạt			Mô di	CMND	012903 563	30/07 2011	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		
1.0 2	TNT	Nguyễn Thị Kim Loan			Mô di	CMND	011440 1770	20/02 2012	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		
1. 03	TNT	Vũ Minh Hòa			Em gái	CMND	012054 484	30/07 2011	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		
1.0 4	TNT	Vũ Thị Hồng			Em gái	CMND	013833 002	23/08/ 2011	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		
1.0 5	TNT	Nguyễn Thị Ngọc Anh			Vợ	CMND	025136 99713	17/02 007	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		
1.0 6	TNT	Vũ Anh Ngọc			Con gái					Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		Còn nhỏ, chưa có CMND
1.0 7	TNT	Vũ Tuấn Anh			Con trai					Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		Còn nhỏ, chưa có CMND
1.0 8	TNT	Chu Lan Phương			Em gái	CMND	0119 7461 1	27/8 /201 1	Hà Nội	Số 51, Ngõ 562, phường Bưởi, Thụy Khố, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%	25/06/ 2018		

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, (nếu có): Không

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, (nếu có): Không

Ông Nguyễn Thanh Sang - Thành viên độc lập HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Thanh Sang

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 28/01/1991

4/ Nơi sinh/Place of birth: Bình Định

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 215153766

Ngày cấp/Date of issue: 01/10/2011 Nơi cấp/Place of issue: Bình Định

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Xã Hoài Xuân – Hoài Nhơn – Bình Định

9/ Số điện thoại/Telephone number: 0968165522

10/ Địa chỉ email/Email: nguyenthansang.kt91@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Tài Nguyên nhiệm kỳ 2016-2021

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares , accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT No.	Mã CC Số tài chính bộ	Họ tên Name	Tên khóa giao dịch chứng khoán (nếu có) Security trading account if available	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company if available	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ Relation ship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document if ID/Passp ort/ Business Register etc. Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ nhà ở thành / Địa chỉ làm việc Address/ Head office address	Số cổ phần sở hữu cá nhân by Name No. of share + owned at the end of the period	Tỷ lệ số cổ phần sở hữu cá nhân by Percentage of share + owned at the end of the period	Thời điểm lần đầu là người có liên quan với công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate of person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan với công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate of person/ internal person	Lý do (khi phát sinh theo điều quản đón mục 13 và 14) Reason + system erring change + related in articles of 13 and 14)	Chi chi về việc không có đồng NSH và chi đề đầu khác) Notes if a person possess ice of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Nguyễn Thanh Sang		Thành viên độc lập HĐQT		CMND	215153 766	01/10/2 011	Bình Định	Xã Hải Xuân - Hải Nhon - Bình Định	0	0%	26/4/20 19			
1.0 1	TNT	Nguyễn Văn Hùng			Hồ đề	CMND	211270 346	11/05/2 017	Bình Định	Xã Hải Xuân - Hải Nhon - Bình Định	0	0%	26/4/20 18			
1.0 2	TNT	Nguyễn Thị Phương Trần			Chi gọi	CMND	211885 827	01/07/2 017	Bình Định	Xã Hải Xuân - Hải Nhon - Bình Định	0	0%	26/4/20 19			
1.0 3	TNT	Nguyễn Thị Lan			Chi gọi	CMND	211982 363	15/06/2 017	Bình Định	Xã Hải Xuân - Hải Nhon - Bình Định	0	0%	26/4/20 19			
1.0 4	TNT	Lưu Trương Quốc			Anh chị	CMND	215449 219	15/06/2 017	Bình Định	Xã Hải Xuân - Hải Nhon	0	0%	26/4/20 19			

										- Đính Đính									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*Không

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Quang Minh Tổng Giám đốc

1/ Họ và tên: Lưu Quang Minh

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 03/02/1970

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ Số CMND: 036070000031

Ngày cấp: 26/3/2014 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 25, ngách 178/11 Tây Sơn, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Hà Nội

9/ Số điện thoại: 0886620268

10/ Địa chỉ email: quangdang2003@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Tổng Giám đốc kiêm đại diện pháp luật (được bổ nhiệm ngày 12/05/2021)

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Mục 16

14/ Số CP nắm giữ: 1.700.000 cổ phần, chiếm 3,33% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 1.700.000 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản & giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND / Passport / Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ hiện tại	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người o liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người o liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Địa chỉ nơi việc không có sở hữu NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Lưu Quang Minh	075C 0722 94	Tổng Giám đốc		CCCD	93607 60000 31	26/3/2014	Cục ĐKKQ L cư trú và ĐKKQ G về dân cư	Số 25, ngõ 178/11 Tây Sơn, phường Trung Lập, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/5/2021			
1.0.1	TNT	Lưu Quang Quân			Bố đẻ	CMND	01057 2951	05/12/2007	Hà Nội	Số 25, ngõ 178/11 Tây Sơn, phường Trung Lập, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/5/2021			
1.0.2	TNT	Nguyễn Đức Kiên Chi			Mẹ đẻ	CMND	01275 5550	05/12/2007	Hà Nội	Số 25, ngõ 178/11 Tây Sơn, phường Trung Lập, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/5/2021			
1.0.3	TNT	Lê Thị Nga			Vợ	CCCD	01601 10094 41	08/6/2020	Cục QLH C và tịch cư xã hội	Số 25, ngõ 178/11 Tây Sơn, phường Trung Lập, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/5/2021			
1.0.4	TNT	Lưu Thị Thu Phương			Con gái	CCCD	00119 60155 47	02/12/2019	Cục CS QLH C và tịch cư xã hội	Số 25, ngõ 178/11 Tây Sơn, phường Trung Lập, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/5/2021			

Số	Họ tên	Địa chỉ	Tên khoa hoặc địa chỉ khác (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND / Passport / Giấy DKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Hạn cấp	Địa chỉ trước đây/ Địa chỉ hiện tại	Số cổ phiếu sở hữu mỗi kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người nắm quyền của công ty/ người nội bộ	Thời điểm kết thúc là người nắm quyền của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi bản quyền mua 1% và 10)	Ghi chú (nếu việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1.0.5	TNT	Lưu Quang Đăng			Con trai	CCCD	0020 70041 16	24/02/07	Các ĐHQ L-CT trở về ĐHQ CT về dân cư	Số 25, ngách 170/11 Tây Sơn, phường Trưng Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/02/01			
1.0.6	TNT	Lưu Quang Cảnh			Em trai	CMND	01172 9996	26/10/00	Hà Nội	Số 25, ngách 170/11 Tây Sơn, phường Trưng Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/02/01			
1.0.7	TNT	Bùi Thị Loan			Em gái	CMND	01302 7496	18/12/07	Hà Nội	Số 25, ngách 170/11 Tây Sơn, phường Trưng Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0%	12/02/01			
1.0.8		Công ty Cổ Phần Tập đoàn Trường Tiến			Tổ chức liên quan đến ông Lưu Quang Minh	GCND KDN	05005 78254	15/01/00	Số KH và DT ở Hà Nội	Cm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội	0	0%	04/12/2020			Ông Lưu Quang Minh là Phó tổng giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Tập đoàn Trường Tiến
1.0.9		Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Hà Nội			Tổ chức liên quan đến ông Lưu Quang Minh	GCND KDN	01042 99673	16/02/00	Số KH và DT ở Hà Nội	Tầng 2, nhà nhà Trưng Yên 1, KĐT Trưng Yên, phường Trưng Bội, quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	01/9/2020			Ông Lưu Quang Minh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Hà Nội

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng (nếu có): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng (nếu có): Không

Ông Nguyễn Bá Huân Phó Tổng Giám đốc (Xem phần HĐQT)

Ông Vũ Tuấn Hoàng Phó Tổng Giám đốc thường trực (Xem phần HĐQT)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Giáp - Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)

1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Văn Giáp

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 02/02/1984

4/ Nơi sinh/Place of birth: Bắc Ninh

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 125159307

Ngày cấp/Date of issue: 18/06/2015 Nơi cấp/Place of issue: Bắc Ninh

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: ; Thị Trấn Lim – Tiên Du – Bắc Ninh

9/ Số điện/Telephone number: 0985.056.700

10/ Địa chỉ email/Email: vangiapdhkt@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Trưởng Ban Kiểm soát

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares , accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ cư trú (nếu có) / Địa chỉ làm việc	Số cổ phiếu sở hữu tính đến cuối kỳ báo cáo	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tính đến cuối kỳ báo cáo	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty (nếu có)	Thời điểm kết thúc là người có liên quan của công ty (nếu có)	Lý do (nếu phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Chi chú (nếu có)
No.	Code	Name	Secu acc. no. (if available)	Position at the company (if available)	Relation with the company (if internal person)	CMND / Passport / ID/Passport/ Register & Residence Certificate	NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address / Work address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of shares owned at the end of the period	The person became an affiliate of person	The person became an affiliate of person	Reason of change of person	Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Nguyễn Văn Giáp		Trưởng Ban Kiểm soát		CMND	12312 9307	18/09/2015	Bắc Ninh	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 1	TNT	Nguyễn Văn Dũng			Bố đẻ	CMND	12562 9951	27/6/2011	Hà Nội	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 2	TNT	Nguyễn Thị Hương			Mẹ đẻ	CMND	12562 9952	27/6/2011	Bắc Ninh	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 3	TNT	Nguyễn Văn Dân			Em trai	CMND	1251 58946	30/5/2013	Bắc Ninh	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 4	TNT	Nguyễn Thị Thúy			Em gái	CMND	12528 2577	23/8/2019	Bắc Ninh	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 5	TNT	Nguyễn Thị Phương			Vợ	CMND	14522 9677	14/7/2011	Bưng Yên	Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			
1.0 6	TNT	Nguyễn Minh Khang			Con trai					Thị trấn Lim - Tiên Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/2019			Còn nhỏ, chưa có CMND

LB ?	TNT	Nguyễn Ngọc Phương Linh		Công ty						Thị trấn Lâm - Tân Du - Bắc Ninh	0	0%	26/4/20 16			Các nhà chức vị CMND

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không

Bà Trần Thị Trâm – Thành viên Ban kiểm soát

1/ Họ và tên /Full name: Trần Thị Trâm

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 17/12/1983

4/ Nơi sinh/Place of birth: Thái Bình

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 151470817

Ngày cấp/Date of issue: 26/02/2009 Nơi cấp/Place of issue: Thái Bình

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: TT Cụm 591 Xã Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội

9/ Số điện/Telephone number: 090.4575.716

10/ Địa chỉ email/Email: tranhitram@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Ban Kiểm soát

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không

14/ Số CP nắm giữ: 800 cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares , accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 800 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

STT No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tên khác và giáo dục chức vị khi n (nếu có) Securities symbol (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ với người khai báo hoặc với công ty khai báo * Relationship with person or company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND / Passport / Giấy ĐKKD) Type of document or Business License (Civil Code)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày sinh Date of birth	Nơi sinh Place of birth	Địa chỉ cư sống/ Địa chỉ liên hệ Address / Residence address	Số cổ phần vào lưu cấp lý Số đơn đăng kí Số đơn đăng kí Số đơn đăng kí Number of shares at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cấp lý Force majority of shares owned at the end of the period	Thời điểm kết thúc là ngày có lên quan của công ty/ ngày khai báo Time the person became an affiliated person or person a	Thời điểm kết thúc là ngày có lên quan của công ty/ ngày khai báo Time the person became an affiliated person or person a	Lý do (khi phải sinh thay đổi lên quan đến mức 1% và các ghi chú khác) Reason (when not in possession of a NSH No. and other notes)	
1	TNT	Trần Thị Tuyền		Thành viên Ban Kiểm soát		CMND	13147 0817	26/02/ 2009	Thái Bình	TT Cụm 591 Xã Liên Ninh, Thành Tô, Hà Nội	800	0,03%	9/10/2 000			
1.0 1	TNT	Nguyễn Văn Việt			Công	CMND	15140 5584	12/5/2 009	Thái Bình	TT Cụm 581 Xã Liên Ninh, Thành Tô, Hà Nội	0	0%	9/10/2 010			
1.0 2	TNT	Nguyễn Văn Tấn Mình			Con trai					TT Cụm 591 Xã Liên Ninh, Thành Tô, Hà Nội	0	0%	9/10/ 2010			Công nhờ, chưa có CMND
1. 03	TNT	Trần Văn Sơn			Bố đẻ	CMND	1505 54201	16/10/ 1978	Thái Bình	Thị Trại Tân Lập, Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, Thái Bình	0	0%	9/10/2 810			
1.0 4	TNT	Trần Thị			Mẹ đẻ	CMND	1505 3075	15/10/ 1978	Thái Bình	Thị Trại Tân Lập, Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư.	0	0%	9/10/2 000			

		Tên								Thái Bình						
1.0 5	TNT	Trần Văn Ngọc			Em má	CMND	15178 0455	16/22 006	Thái Bình	Thị Tư Tần Lập, Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, Thái Bình	0	0%	9/10/ 2010			
1.0 6	TNT	Trần Thanh Bình			Em má	CMND	15116 87187	22/02 002	Thái Bình	Thị Tư Tần Lập, Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, Thái Bình	0	0%	9/10/ 2010			
1.0 7	TNT	Nguyễn Thị Tiên			Em đầu	CMND	26133 3320	18/11 2010	Bình Thuận	Thành phố Phan Thái, tỉnh Bình Thuận	0	0%	9/10/2 010			
1.0 8	TNT	Lê Thị Thương			Em đầu	CMND	17218 5356	26/02 005	Thanh Hóa	Thị Tư Tần Lập, Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, Thái Bình	0	0%	9/10/2 010			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không

Bà Hà Huyền Trang – Thành viên Ban kiểm soát

1/ Họ và tên /Full name: Hà Huyền Trang

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 18/11/1987

4/ Nơi sinh/Place of birth: Sơn La

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 013476188

Ngày cấp/Date of issue: 13/10/2011 Nơi cấp/Place of issue: Hà Nội

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Tổ 6 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

9/ Số điện/Telephone number: 098.716.2268

10/ Địa chỉ email/Email: huyentrang@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Ban Kiểm soát

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares..., accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Số thứ	Mã CK Sở nhiệm vụ cơ quan	Họ tên	Tên khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Security trading account if available	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company if available	Mối quan hệ với công ty hoặc với người khai báo với công ty hoặc với người khai báo	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND or Passport or Giấy ĐKKD) Type of document or ID/Pass book/ Business or Registration Certificate	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở định địa chỉ liên hệ Address if fixed office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of share s owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu số phiếu cuối kỳ Percentage of share s owned at the end of the period	Thời điểm lần đầu là người có liên quan của công ty/ người khai báo The first time person became an affiliated person / person of person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người khai báo The date person ceased to be an affiliated person/ person of person	Lộ di lịch phải sinh thay đổi liên quan theo mục 11 và 14) Reason s (under article 11 or 14) or related to article s of 11 and 14)	Giá chủ vận không có sở Giấy NSH và các giấy chủ khác) Notes if not an owner of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Hà Thuyết Trung		Thành viên Ban Kiểm sốt		CMND	015476 188	11/05/ 2011	Hà Nội	Tổ 6, phường Láng, Hà Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	0	0%	17/05/ 2014			
1.0 1	TNT	Hà Minh Bến			Đó đó	CMND	050607 893	12/12/ 2012	Sơn Là	Tổ 11 phường chiềng liệt Sơn Là - Tỉnh Sơn Là	0	0%	13/05/ 2014			
1.0	TNT	Đặng Thị Hồng			Mẹ đó	CMND	050416	14/06/ 2012	Sơn	Tổ 11 phường chiềng	0	0%	17/05/ 2014			

2		Vinh				195	2014	La	là qđ Sơn La - Tỉnh Sơn La			2014			
18/3	TNT	Hà Minh Hùng		Anh trai	CMND	000476 353	13/02 013	Sơn La	Tổ 11 phường phường Bắc Sơn La - Tỉnh Sơn La	0	0%	17/05/2014			

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không

Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kế toán trưởng

1/ Họ và tên /Full name: Vũ Thị Hồng Nhung

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 14/06/1981

4/ Nơi sinh/Place of birth: Thái Bình

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): 151282902

Ngày cấp/Date of issue: 21/06/2010 Nơi cấp/Place of issue: Thái Bình

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 113 E3, TT Cơ khí Hà Nội, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

9/ Số điện/Telephone number: 098.743.2168

10/ Địa chỉ email/Email: nhungvth146@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Kế toán trưởng

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares, accounting for% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Số Mã	Mã CK Sở hữu (Mã biển)	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khốn (nếu có) Security trading account if available	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người liên hệ Relation with the company/ related person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND Đ/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document AD/Pas sport/ Business & Registra tion Certificate	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Đã có of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/ Head office address	Số cổ phiếu sở hữu mỗi kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phần u mỗi kỳ Percent age of share own er at the end of the peri od	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người liên hệ Time the person became an affiliated person of person a	Thời điểm kết thúc là người có liên quan của công ty/ người liên hệ Time the person ceased to be an affiliated person of person a	Lý do (khi phá stanh thay đổi liên quan đến công ty/ người liên hệ Reason as related to person of person a	Chi chi cả vật không có số Giấy NSH và các ghi chú khác/ Notes if not is part of a NSH No. and other notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TNT	Vũ Thị Hồng Nhung		Kế toán trưởng		CMND	01512 82902	21/06/ 2010	Thái Bình	117 E1, TT Cố lập Hà Nội, Thượng Đĩnh, Thành Xuyên, Hà Nội	0	0%	11/02 014			
1.0 1	TNT	Vũ Đình Cổ			Đã đi	CMND	15023 7170	05/11/ 2007	Thái Bình	Khu 4, TT Tiền Hải, Thái Bình	0	0%	11/02 014			
1.0 2	TNT	Nguyễn Thị Cúc			Mở đi	CMND	1392 72542	16/08/ 1978	Thái Bình	Khu 4, TT Tiền Hải, Thái Bình	0	0%	11/02 014			
1.0 3	TNT	Vũ Thị Hiền			Chỉ giữ	CMND	1512 20662	14/06/ 2004	Thái Bình	Khu 4, TT Tiền Hải, Thái Bình	0	0%	11/02 014			

1.0 4	TNT	Vũ Đình Dương			Anh em	CMND	15122 0916	05/04 2001	Thái Bình	Khu 4, TT Tân Hải, Thái Bình	0	0%	11/42 014		
1.0 5	TNT	Vũ Thị Hương			Em gái	CMND	12123 4966	22/4/1 998	Thái Bình	Khu 4, TT Tân Hải, Thái Bình	0	0%	11/42 014		
1.0 6	TNT	Nguyễn Hoàng Thiệp Quốc			Anh rể	CMND	2712 3230	31/10 2007	Đồng Nai	Tòa nhà HH1A, Khu Đô thị Liên Đạm, Hà Nội	0	0%	11/42 014		
1.0 7	TNT	Tạ Thị Liên			Chi em	CMND	15196 0087	23/01/ 2009	Thái Bình	Khu 4, TT Tân Hải, Thái Bình	0	0%	11/42 014		
1.0 8	TNT	Nguyễn Đình Thăng			Chồng	CMND	00107 50052 80	11/12/ 2014	Hà Nội	111 E3, TT Cơ khí Hà Nội, Thương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	11/42 004		

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không*

***Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Trong năm 2021 Công ty có thay đổi trong Ban Điều hành.

- Ngày 12/05/2021 bổ nhiệm Ông Lưu Quang Minh làm Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn TNT.
- Ngày 12/05/2021 miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Ông Nguyễn Bá Huân và thay làm Phó Tổng Giám đốc
- Ngày 12/05/2021 bổ nhiệm Ông Vũ Tuấn Hoàng làm Phó Tổng Giám đốc thường trực.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ nhân viên: 10 người

- Công ty trong năm 2021 không có thay đổi trong chính sách đối với người lao động. Công ty luôn duy trì và tuân thủ theo luật Lao động cũng như các quy định khác của pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi cũng như các điều kiện tốt nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

- ✓ *Một là, Dự án khu nhà ở và văn phòng làm việc cao cấp Nhân Chính:* Diện tích dự án gần 10.000m². Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đồng. Cty CP Tài Nguyên tham gia 25%, dự án hiện tại đã xong phần xây thô, chuẩn bị đi vào giai đoạn hoàn thiện.
- ✓ *Hai là, Dự án khu nhà ở đô thị tại huyện Gia Lâm, Hà Nội:* Diện tích gần 20ha. Tổng vốn đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng. Dự án đang hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư và sẽ sớm được triển khai.
- ✓ *Ba là, Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity:* Diện tích 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng. Hiện đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và chuẩn bị các bước triển khai tiếp theo.
- ✓ *Bốn là, Dự án Khu nhà ở tại thành Phố Điện Biên:* Tổng diện tích 6,5ha tại thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên tham gia 65% dự án. Dự án đang đi vào giai đoạn hoàn thiện.

b. Các công ty con, công ty liên kết

1. Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT (Tên cũ là: Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Tài Nguyên)

- Địa chỉ: Km 28 thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108268549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2018.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đ (Năm mươi tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Tài Nguyên nắm giữ theo đăng ký kinh doanh: 100% vốn điều lệ.

+ Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 tại thời điểm 31/12/2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT thực hiện đầu tư, liên kết và góp vốn vào các công ty sau:

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Tỉnh Điện Biên

- Địa chỉ: dự án khu nhà ở tân thanh, tổ 21 phường him lam, thành phố điện biên phủ tỉnh điện biên
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 10) số 5600234432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Điện biên cấp ngày 25/08/2020.
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình điện, cấp thoát nước, viễn thông thông tin liên lạc, công trình công ích khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...v.v.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (bên B) và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (Bên A) ký ngày 05 tháng 01 năm 2016 về hợp tác đầu tư Dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên". Mục đích của Hợp đồng là đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích là 13.323 m² để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Bên B đã góp vốn bằng tiền chuyển khoản là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án (tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng). Hai bên phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Tại ngày 31/12/2021, dự án đã hoàn thành, đang thực hiện hoàn thiện thủ tục pháp lý để bán.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	352.614	586.188	66,24
Doanh thu thuần	12.867	640.949	4881,34
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.543)	36.883	
Lợi nhuận khác	(122)	(92)	
Lợi nhuận trước thuế	(2.665)	36.791	
Lợi nhuận sau thuế	(2.665)	29.736	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(105)	1.111	

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

– Không có

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,77	16,74	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,47	14,68	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,24	0,06	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,06	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	0,28	13,38	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,04	1,09	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ H.số L.nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,21)	0,05	
+ H.số L.nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,01)	0,05	
+ H.số L.nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,01)	0,05	
+ H.số L.nhuận từ hđkd/D.thu thuần	(0,2)	0,06	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang niêm yết: 51.000.000 cổ phần
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TNT
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 25.500.000 cổ phiếu (hạn chế chuyển nhượng 01 năm đối với nhà đầu tư chuyên nghiệp từ ngày 24/12/2021 đến 13/12/2022)

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	1.645	50.835.610	99,68
	<i>Cổ đông tổ chức</i>	20	406.579	0,8
	<i>Cổ đông cá nhân</i>	1.625	50.429.031	98,88
2	Cổ đông nước ngoài	15	164.390	0,32
	<i>Cổ đông tổ chức</i>	4	140.390	0,28
	<i>Cổ đông cá nhân</i>	11	24.000	0,04
	TỔNG	1.660	51.000.000	100

Số liệu cổ đông được thống kê theo Danh sách cổ đông ngày 31/12/2021.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Số lượng cổ phiếu riêng lẻ phát hành thêm: 25.500.000 cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 51.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phiếu (hạn chế chuyển nhượng 01 năm đối với nhà đầu tư chuyên nghiệp từ ngày 24/12/2021 đến 13/12/2022)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty không có hoạt động sản xuất trực tiếp

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Công ty không có hoạt động sản xuất trực tiếp

6.4. Tiêu thụ nước: Công ty không có hoạt động sản xuất trực tiếp

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và chưa bao giờ bị xử phạt.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động: 10 người. Mức lương trung bình đối với người lao động: 20.000.000 đồng/người

- Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định và chính sách hiện hành đối với người lao động, luôn đảm bảo quyền lợi cũng như có những cơ chế đãi ngộ tốt, khuyến khích người lao động để họ toàn tâm toàn ý gắn bó vì sự phát triển chung của Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng tại địa phương, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2021		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	200.000	640.949	220%
2	Lợi nhuận sau thuế	20.000	29.736	49%

3	EPS (đồng/CP)	627	1.111	77%
---	---------------	-----	-------	-----

Phân tích nguyên nhân kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch:

Năm 2021 tuy dịch bệnh COVID-19 vẫn nghiêm trọng nhưng Công ty mẹ có nhiều đơn hàng máng mua bán thực phẩm (thực phẩm đông lạnh) dẫn đến Doanh thu năm /2021 của Công ty mẹ tăng mạnh so với năm trước tăng 220%. Còn hoạt động kinh doanh của công ty mẹ là kinh doanh bất động sản, xây dựng thì các Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên đang trong quá trình hoàn thiện về thủ tục dự kiến Quý II/2022 đối với Dự án Khu nhà ở Phía Tây Sông Nậm Rốm và năm 2024 đối với Khu nhà ở Tân Thanh; Dự án Tổ hợp thương mại, tài chính, dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã có Giấy phép xây dựng và Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11, Khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn đầu của Dự án. Bên cạnh đó Công ty con (Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư Tài chính TNT) cũng phát sinh doanh thu. Chính vì vậy Công ty đã hoàn thành được kế hoạch đã đặt ra.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đưa ra phương án khắc phục như sau:

Năm 2022, Công ty sẽ đẩy nhanh tiến độ các hoạt động để hoàn thành việc nghiệm thu và bàn giao các Dự án Khu nhà ở Tân Thanh và Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm. Khi đó sẽ ghi nhận được doanh thu về hoạt động kinh doanh bất động sản. Ngoài ra tình hình dịch bệnh covid đã dần dần được kiểm soát, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, đa dạng các mặt hàng thương mại để tăng doanh thu. Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết về kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

Doanh thu là: 1.500 tỷ đồng,

Lợi nhuận trước thuế: 75 tỷ đồng,

Lợi nhuận sau thuế là: 60 tỷ đồng.

Kế hoạch này dự kiến sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2022 sắp tới.

2. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2021 tăng 66.24% so với tại thời điểm cuối năm 2020 từ 352,614 tỷ đồng lên 586.188 tỷ đồng. Tài sản của công ty tập trung chủ yếu ở Tài sản ngắn hạn và đã thực sự phát huy hiệu quả, do đó kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt được chỉ tiêu đề ra.

b) *Tình hình nợ phải trả*

Công ty có một số khoản nợ phải trả ngắn hạn tuy nhiên vẫn nằm trong tầm kiểm soát, công ty cũng đã làm việc với các đối tác, tiến hành gia hạn nợ và có lộ trình thanh toán cụ thể. Do vậy trong ngắn hạn các khoản nợ phải trả không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thanh toán của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2021 công ty đã tiến hành tinh giảm bộ máy quản lý theo hướng chuyên môn hóa cao. Tách biệt quản trị công ty với quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Tiến hành thanh lý, giải thể các bộ phận, các hoạt động kinh doanh không hiệu quả...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự án khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ. Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Dự án đang hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư và sẽ sớm được triển khai.

Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity. Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hiện đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và chuẩn bị các bước triển khai tiếp theo.

Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên: Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên đang trong quá trình hoàn thiện về thủ tục dự kiến Quý II/2022 đối với Dự án Khu nhà ở Phía Tây Sông Nậm Rốm và năm 2024 đối với Khu nhà ở Tân Thanh.

Dự án Tổ hợp thương mại, tài chính, dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh: đã có Giấy phép xây dựng và Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11

Các hoạt động thương mại. Để tăng doanh thu, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ cho lĩnh vực chính là đầu tư kinh doanh bất động sản Công ty định hướng mở rộng hoạt động thương mại trong một số lĩnh vực mới như: kinh doanh thực phẩm, hàng đông lạnh, máy móc thiết bị, phân bón, thức ăn gia súc...v.v. bên cạnh lĩnh vực vật liệu xây dựng. Vì các đối tác của công ty là các công ty kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, do đó công ty có nhiều lợi thế về quan hệ kinh doanh. Mặt khác, công ty đang đầu tư các dự án bất động sản, sẽ phải sử dụng rất nhiều vật liệu xây dựng, do đó công ty sẽ đứng ra trực tiếp cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án của mình sẽ tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm góp phần làm tăng lợi nhuận cho cổ đông công ty. Ngoài ra các lĩnh vực, mặt hàng mới về mảng thương mại cũng sẽ giúp Công ty tăng được doanh thu và lợi nhuận.

5. Giải trình của Ban Giám đốc

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Công ty không có các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan trực tiếp đến các chỉ tiêu nói trên

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định và chính sách hiện hành đối với người lao động, luôn đảm bảo quyền lợi cũng như có những cơ chế đãi ngộ tốt, khuyến khích người lao động để họ toàn tâm toàn ý gắn bó vì sự phát triển chung của Công ty.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng tại địa phương, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Giám đốc cũng như cán bộ nhân viên của Công ty tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và môi trường cộng đồng tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình. Hội đồng quản trị luôn quán triệt ý thức về đóng góp, xây dựng, bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2021, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT giao phó, đảm bảo tốt công tác điều hành Công ty theo đúng những mục tiêu, phương hướng mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã duy trì bộ máy nhân sự hợp lý, tận dụng được nguồn nhân lực để phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng giám đốc cần xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo thêm nhiều nhân tài để bổ sung vào lực lượng nhân sự, kịp thời phục vụ cho các công tác triển khai nhiều dự án lớn hơn của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện sát sao những chỉ đạo của HĐQT cũng như Ban Tổng giám đốc. Trong thời gian tới, các cán bộ quản lý cần trau dồi và trang bị thêm nhiều kỹ năng, kiến thức để có thể duy trì và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với việc xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại và dịch vụ, trên cơ sở những dự án đang triển khai thực hiện và những dự án đang hoàn thiện về thủ tục sớm để được cấp phép, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển của Công ty trong năm 2022 và những năm tiếp theo. Không lâu nữa quý vị sẽ được chứng kiến một Công ty cổ phần Tập đoàn TNT lớn mạnh và có uy tín, thương hiệu lớn trên thị trường, tạo ra lợi nhuận lớn nhất cho Công ty, góp phần tích cực cho nền kinh tế và sự phát triển của xã hội.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT	
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên độc lập HĐQT	
Ông Nguyễn Thế Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

TT	Tên cổ đông	31/12/2021	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Gia Long	16.500.020	32,35
2	Nguyễn Bá Huân	3.299.000	6,48
3	Nguyễn Gia Minh	2.000	0,00
4	Vũ Tuấn Hoàng	137.300	0,3
Tổng		19.938.320	0,39

Số liệu cổ đông được thống kê theo Danh sách cổ đông ngày 31/12/2021

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị vì mỗi thành viên HĐQT đều được phân công chịu trách nhiệm về một lĩnh vực chuyên trách cụ thể.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, HĐQT đã thường xuyên tiến hành các cuộc họp để bàn bạc và thông qua những vấn đề quan trọng liên quan tới các hoạt động của Công ty. Những quyết định chủ yếu được thông qua trong năm 2021 bao gồm những quyết định về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quyết định về các kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách đầu tư, v.v. Cụ thể trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã tiến hành sáu (13) cuộc họp, có biên bản, nghị quyết và công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tư vấn, cho nhiều ý kiến đóng góp hữu ích đối với mọi mặt của công ty..

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Văn Giáp	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Trâm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

TT	Tên cổ đông	31/12/2021	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Giáp	0	0,00
2	Trần Thị Trâm	800	0,00
2	Hà Huyền Trang	0	0,00
Tổng		800	0,00

Số liệu cổ đông được thống kê theo Danh sách cổ đông ngày 31/12/2021

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện nhiệm vụ trong năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (TNT) đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 soát xét và báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo;
- Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc năm 2021 là 994.000.000 đ, cụ thể như sau:

- Ông Lưu Quang Minh (Tổng Giám đốc): 240.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Bá Huân (Phó Giám đốc): 260.000.000 đồng

- Ông Vũ Tuấn Hoàng (Phó TGD): 260.000.000 đồng

- Bà Vũ Thị Hồng Nhung (Kế toán trưởng): 234.000.000 đồng

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát chưa nhận thù lao do chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Họ tên cổ đông nội bộ	Đăng ký mua/cổ			Đăng ký bán/cổ		
	Ngày hoàn thành	Số lượng ĐK mua	Kết quả mua	Ngày hoàn thành	Số lượng ĐK bán	Kết quả bán
Nguyễn Gia Long	20/04/2021	1.500.000	1.500.000	01/04/2021	1.224.920	1.224.900
	14/02/2021	15.000.000	15.000.000			
Lưu Quang Minh	23/06/2021	200.000	200.000			
	14/02/2021	1.500.000	1.500.000			
Nguyễn Bá Huân	11/03/2021	1.289.000	1.289.000			
	14/02/2021	2.000.000	2.000.000			
Vũ Tuấn Hoàng	13/04/2021	200.000	137.300			

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn ý thức tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của mình, vì thế HĐQT công ty, Ban kiểm soát và ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty và các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Chi tiết Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn TNT đã được công bố thông tin ngày 11/03/2022 và được đăng trên website: www.tainguyen.vn. Xin xem Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2021 tại phụ lục đính kèm. Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2021 Quý nhà đầu tư xin download từ website của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯU QUANG MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính hợp nhất	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài Nguyên, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 24 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 24 ngày 18 tháng 01 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng (năm trăm mười tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TNT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Bá Huấn	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thế Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Giáp	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Tâm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Huân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/05/2021
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021
Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021
Ông Lê Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/02/2022
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 24 ngày 18/01/2022 và bổ nhiệm Ông Lê Quốc Toàn – chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

T/M Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh



Số: 176/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT, được lập ngày 10/03/2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT* tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, với kết luận của Kiểm toán viên đưa ra là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Hoàng Kim Thùy
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 1464-2018-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 1474-2021-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		504.617.440.645	232.501.804.854
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	142.277.524.504	501.827.555
111	1. Tiền		2.497.524.504	501.827.555
112	2. Các khoản tương đương tiền		139.780.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		299.127.123.326	204.362.553.398
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	93.087.373.064	136.931.848.039
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	219.110.259.909	1.994.400.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.a	20.947.592.672	85.320.674.193
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(34.018.102.319)	(19.884.368.834)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	62.318.508.926	25.516.726.835
141	1. Hàng tồn kho		62.318.508.926	25.516.726.835
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		894.283.889	2.120.697.066
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.a	13.899.454	14.242.427
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		876.722.061	2.080.110.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	3.662.374	26.343.673
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		81.570.648.388	120.112.572.727
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		81.001.500.000	119.001.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.b	81.001.500.000	119.001.500.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		561.258.202	1.102.733.705
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	561.258.202	1.102.733.705
222	- Nguyên giá		3.429.650.909	3.429.650.909
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.868.392.707)	(2.326.917.204)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		47.365.000	47.365.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47.365.000)	(47.365.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.890.186	8.339.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11.b	7.890.186	8.339.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		586.188.089.033	352.614.377.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ			
310	I. Nợ ngắn hạn		33.530.231.222	84.605.511.933
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	30.136.941.222	83.934.661.933
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.041.345.697	25.664.017.679
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	-
314	4. Phải trả người lao động	13	3.917.039.516	4.802.481
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		121.000.000	101.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	3.598.192.625	1.519.078.636
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	12.181.803.384	56.368.203.137
		16.a	277.560.000	277.560.000
330	II. Nợ dài hạn		3.393.290.000	670.850.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15.b	3.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.b	393.290.000	670.850.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		552.657.857.811	268.008.865.648
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	552.657.857.811	268.008.865.648
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		510.000.000.000	255.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		510.000.000.000	255.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.931.000.000	2.019.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.726.857.811	10.989.865.648
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.989.865.648	13.655.218.672
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.736.992.163	(2.665.353.024)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		586.188.089.033	352.614.377.581

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	640.949.396.541	12.866.920.534
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		640.949.396.541	12.866.920.534
11	4. Giá vốn hàng bán	19	587.507.092.692	12.239.482.637
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		53.442.303.849	627.437.897
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	740.238.648	97.683
22	7. Chi phí tài chính	21	91.956.097	(184.610.060)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		91.956.097	128.745.804
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	164.031.579	39.369.474
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	17.043.423.887	3.316.118.937
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		36.883.130.934	(2.543.342.771)
31	12. Thu nhập khác	24	28.353.471	15.227.749
32	13. Chi phí khác	25	120.358.593	137.238.002
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(92.005.122)	(122.010.253)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		36.791.125.812	(2.665.353.024)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	7.054.133.649	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		29.736.992.163	(2.665.353.024)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		29.736.992.163	(2.665.353.024)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.111	(105)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022
Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	36.791.125.812	(2.665.353.024)
	2. Điều chỉnh cho các khoản	14.026.926.437	1.425.095.914
02	- Khấu hao tài sản cố định	541.475.503	601.741.452
03	- Các khoản dự phòng	14.133.733.485	694.706.341
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(740.238.648)	(97.683)
06	- Chi phí lãi vay	91.956.097	128.745.804
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	50.818.052.249	(1.240.257.110)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(69.669.304.031)	(52.720.616.798)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(36.801.782.091)	1.247.299.929
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(54.780.676.752)	52.446.432.098
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	791.809	6.301.883
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(91.956.097)	(128.745.804)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.162.106.786)	(238.488.484)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(113.686.981.699)	(628.074.286)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.300.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	740.238.648	97.683
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	740.238.648	1.300.097.683

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	255.000.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(277.560.000)	(768.560.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	254.722.440.000	(768.560.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	141.775.696.949	(96.536.603)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	501.827.555	598.364.158
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	142.277.524.504	501.827.555

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022.

Tổng Giám đốc



Lâm Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài Nguyên, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 24 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 24 ngày 18 tháng 01 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng (năm trăm mười tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TNT.

Số lượng cán bộ nhân viên trong kỳ kế toán: 15 người.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản lắp mặt bằng các công trình xây dựng; và
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính riêng của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phát hành ngày 20 tháng 02 năm 2022.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Tập đoàn TNT và Công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ	tỷ lệ sở hữu (%)	tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT	Km 28, thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản

Sự kiện phát sinh trong năm:

- Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên được đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0108268549 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 30/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay, ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải truyền dẫn: khấu hao từ 06 – 10 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thoả thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) và ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thoả thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất theo thoả thuận của BCC.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công

ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	619.799.381	470.652.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.877.725.123	31.175.018
Các khoản tương đương tiền (*)	139.780.000.000	-
Cộng	142.277.524.504	501.827.555

(*): Chi tiết các khoản tương đương tiền:

- Hợp đồng tiền gửi số 0029/16122021/HĐTG/SHB.110209 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền gửi 50.280.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng kể từ ngày 16/12/2021 đến 16/01/2022, lãi suất 4%/năm, lãi nhận cuối kỳ.

- Hợp đồng tiền gửi số 0030/17122021/HĐTG/SHB.110209 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền gửi 49.280.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng kể từ ngày 17/12/2021 đến 17/01/2022, lãi suất 4%/năm, lãi nhận cuối kỳ.

- Hợp đồng tiền gửi số 0031/21122021/HĐTG/SHB.110209 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền gửi 40.220.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng kể từ ngày 21/12/2021 đến 21/01/2022, lãi suất 4%/năm, lãi nhận cuối kỳ.

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP ĐTXD và CN Môi trường Tỉnh Điện Biên	42.000.000.000	118.189.417.000
Công ty TNHH Tấn Cường	4.024.639.222	7.182.843.532
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Đá Châu Âu	-	4.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và TM HUTRAM Việt Nam	7.012.040.000	-
Công ty TNHH XNK Dịch vụ TM Hà Mộc	19.832.900.001	-
Công ty CP TM & DV Starvi VN	7.003.890.744	-
Các đối tượng khác	6.620.440.000	166.124.410
Cộng	93.087.373.064	136.931.848.039
c. Số dư với các bên liên quan		
Công ty CP ĐTXD và CN Môi trường Tỉnh Điện Biên	42.000.000.000	118.189.417.000

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cty CP XNK Đầu tư An Bình	19.870.029.930	-
Cty CP XNK và Phát triển TM An Bình	22.528.187.979	-
Cty TNHH XNK Thực phẩm Tân Đại Phát	10.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga - Điện Biên	1.070.000.000	1.070.000.000
Công ty CP Đầu tư XD BĐS Trí Nguyễn	165.000.000.000	-
Các đối tượng khác	642.042.000	924.400.000
Cộng	219.110.259.909	1.994.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	20.947.592.672	2.100.000.000	85.320.674.193	900.000.000
Bảo hiểm xã hội	1.050.000	-	151.035	-
Bảo hiểm y tế	151.035	-	-	-
Tạm ứng	-	-	50.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Bá Huân	-	-	20.000.000.000	-
- Ông Vũ Tuấn Hoàng	-	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	20.946.391.637	-	35.320.523.158	-
- Bà Trần Thị Dung	-	-	14.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (1)	17.744.055.199	-	18.320.523.158	-
- Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	2.100.000.000	3.000.000.000	900.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	202.336.438	-	-	-
b. Dài hạn	81.001.500.000	-	119.001.500.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.500.000	-	1.500.000	-
- Đất cọc tiền thuê VP TC Thăng Long	1.500.000	-	1.500.000	-
Phải thu khác dài hạn	81.000.000.000	-	119.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD BDS Trí Nguyễn (2)	7.000.000.000	-	45.000.000.000	-
- Tổng Công ty CP MBLand (3)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (4)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	101.949.092.672	2.100.000.000	204.322.174.193	900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

Trong đó, số dư với các bên liên quan

Tạm ứng

Số cuối năm**Số đầu năm**

Phải thu khác

41.744.055.199

50.000.000.000

42.320.523.158

(1): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2016 ngày 05 tháng 01 năm 2016 của dự án "Khu nhà ở Tân Thanh" và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2016 của dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên" với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên, Công ty CP Tập đoàn TNT được ủy quyền thực hiện chi hệ một số chi phí cho hai Dự án trên. Sau đó, Công ty CP Tập đoàn TNT thực hiện thu hồi lại số tiền đã thực hiện thanh toán hộ cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên

(2): Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 0612/2019-HĐHT/TN-TN ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (Bên B) và Công ty CP Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn (Bên A là chủ đầu tư) về việc hợp tác thực hiện "**Dự án Tổ hợp thương mại, tài chính thương mại, tài chính dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc**" tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng này được thực hiện dưới hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới với đối tác kinh doanh. Tổng vốn đầu tư dự kiến của Dự án được xác định theo Giấy CNĐT số 3150873043 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp là 150 tỷ đồng, Bên B đã góp 45 tỷ đồng bằng tiền gửi ngân hàng.

- Đến ngày 26/04/2021, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 2604/2021/BBTL/TN-TN. Tại thời điểm ngày 31/12/2021 Công ty đã thu về được 38 tỷ đồng, số nợ còn phải thu là 7 tỷ đồng.

(3): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2019-HĐHT/MBL-TN ngày 09 tháng 12 năm 2019, các bên hợp tác đầu tư dự án Tổ hợp khách sạn resort cao cấp tại Lô D11, khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Hợp đồng này được thực hiện dưới hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới với đối tác kinh doanh. Tổng vốn đầu tư dự kiến xác định theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3712100577 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp là 660 tỷ đồng, Công ty CP Tập đoàn TNT góp 50 tỷ đồng bằng chuyển khoản, ngoài khoản tiền vốn góp của Công ty CP Tập đoàn TNT, Tổng Công ty CP MBLand có trách nhiệm góp toàn bộ số tiền vốn đầu tư còn lại để triển khai thực hiện Dự án. Việc kinh doanh kinh doanh khai thác sản phẩm thuộc Dự án, phân chia lợi nhuận và quyền lợi của các bên sẽ được thống nhất thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm (nếu có).

(4): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (bên B) và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện biên (Bên A) ký ngày 05 tháng 01 năm 2016 về hợp tác đầu tư Dự án "**Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên**". Mục đích của Hợp đồng là đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích là 13.323 m2 để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Bên B đã góp vốn bằng tiền chuyển khoản là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án (tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng). Hai bên phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Tại ngày 31/12/2021, dự án đã hoàn thành, đang thực hiện hoàn thiện thủ tục pháp lý để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Đầu tư xây dựng và CN Môi trường tỉnh Điện Biên	42.000.000.000	21.000.000.000	118.189.417.000	118.189.417.000
Công ty TNHH Tấn Cường	4.024.639.222	-	7.182.843.532	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	-	6.593.463.097	-
Công ty TNHH Đá Châu Âu	-	-	4.800.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	900.000.000	3.000.000.000	2.100.000.000
Công ty CP Nền móng Mindipile	-	-	216.124.410	108.062.205
Công ty CP Đầu tư BĐS và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	175.000.000	-
Liên đoàn Bản đồ địa chất Miền Bắc	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán SME	25.000.000	-	25.000.000	-
	55.918.102.319	21.900.000.000	140.281.848.039	120.397.479.205

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	25.516.726.835	-	25.516.726.835	-
Hàng hoá	36.801.782.091	-	-	-
Cộng	62.318.508.926	-	25.516.726.835	-

(*): Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10/03/2017: Công ty CP Tập đoàn TNT là nhà thầu thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kê, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải) của Dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Dự án đang trong quá trình nghiệm thu và quyết toán.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	3.429.650.909	-		3.429.650.909
Số dư cuối năm	3.429.650.909	-		3.429.650.909
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.326.917.204	-		2.326.917.204
Số tăng trong năm	541.475.503	-		541.475.503
- Khấu hao trong năm	541.475.503	-		541.475.503
Số giảm trong năm	-	-		-
Số dư cuối năm	2.868.392.707	-		2.868.392.707
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.102.733.705	-		1.102.733.705
Tại ngày cuối năm	561.258.202	-		561.258.202

- GTCL tại ngày 31/12/2021 của TSCĐ HH dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản vay: 561.258.202 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021: 903.989.091 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	47.365.000	-		47.365.000
Số dư cuối năm	47.365.000	-		47.365.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	47.365.000	-		47.365.000
Số dư cuối năm	47.365.000	-		47.365.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-		-
Tại ngày cuối năm	-	-		-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021: 47.365.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		
Cộng	<u>13.899.454</u>	<u>14.242.427</u>
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		
Cộng	<u>7.890.186</u>	<u>8.339.022</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM SX Lan Anh Hoa Cường	8.537.000.000	8.537.000.000	10.532.989.467	10.532.989.467
Công ty CP Làng Đá Sài Gòn	-	-	6.057.707.242	6.057.707.242
Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuyên	-	-	4.128.467.100	4.128.467.100
Các đối tượng khác	1.504.345.697	1.504.345.697	4.944.853.870	4.944.853.870
Cộng	<u>10.041.345.697</u>	<u>10.041.345.697</u>	<u>25.664.017.679</u>	<u>25.664.017.679</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26.343.673	-	36.416.889	10.073.216	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	7.054.133.649	3.162.106.786	2.929.178	3.894.956.041
Thuế Thu nhập cá nhân	-	4.802.481	34.793.341	17.512.347	-	22.083.475
Các loại thuế khác	-	-	78.357.160	79.090.356	733.196	-
Cộng	<u>26.343.673</u>	<u>4.802.481</u>	<u>7.203.701.039</u>	<u>3.268.782.705</u>	<u>3.662.374</u>	<u>3.917.039.516</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
- Công ty CP TV Đầu tư phát triển và xây dựng THIKECO	925.823.636	925.823.636
- DNTN xây dựng Long Lâm Điện Biên	593.255.000	593.255.000
- Công ty CP Xây dựng Henyco Việt Nam	1.991.113.989	
- Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	88.000.000	
Cộng	3.598.192.625	1.519.078.636

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	12.181.803.384	56.368.203.137
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	34.919.787	27.719.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
- Ông Nguyễn Gia Long (*)	12.146.883.597	56.340.483.350
- Ông Dương Văn Hợi (**)		50.000.000.000
- Các đối tượng khác	7.000.000.000	
b. Dài hạn	5.146.883.597	6.340.483.350
Các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.000.000.000	-
Cộng	3.000.000.000	-
	15.181.803.384	56.368.203.137
c. Phải trả khác là các bên liên quan:		
	-	50.000.000.000

(*): Khoản phải trả Ông Nguyễn Gia Long theo Hợp đồng mượn tiền số 2207/2020/HĐMT/TN-NGL ngày 22/07/2020, không tính lãi suất, thời hạn mượn tiền là 01 năm. Trong năm 2021, Công ty đã hoàn tất khoản nợ này.

(**): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1105/2021/HĐHTĐT/TNT-DVH ngày 10/05/2021, giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (Bên A) và Ông Dương Văn Hợi (Bên B), về việc: Bên A nhận từ Bên B khoản tiền góp vốn cùng đầu tư vào "Dự án tổ hợp thương mại, tài chính, dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc" là 20.000.000.000 đồng, địa chỉ tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, do Công ty CP Đầu tư XD BĐS Trí Nguyễn là Chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 12 tháng kể từ ngày Bên B chuyển đủ tiền, Bên B sẽ được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Ngày 10/12/2021, hai bên đã kí Biên bản thanh lý hợp đồng chấm dứt việc hợp tác, phía Công ty CP Tập đoàn TNT đã hoàn trả lại cho Ông Dương Văn Hợi là 13.000.000.000 đồng.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số đầu năm	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả	277.560.000	277.560.000	277.560.000		277.560.000	277.560.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình (*)	277.560.000	277.560.000	277.560.000		277.560.000	277.560.000
b. Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình (*)	393.290.000	393.290.000	-	277.560.000	670.850.000	670.850.000
Cộng	670.850.000	670.850.000	277.560.000	555.120.000	948.410.000	948.410.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(*): Hợp đồng tín dụng số 079/17/HDTD/0802-6251 ngày 19/05/2017 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Hà Nội - PGD Ba Đình với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 1.943.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung tài sản cố định - Mua xe ô tô Mercedes - Benz E250, thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giây nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HDTTC trị giá 2.429.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 670.850.000 đồng, trong đó nợ đến hạn trả là 277.560.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Nguyễn Như Sơn, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	255.000.000.000	2.019.000.000	13.655.218.672	270.674.218.672
Tăng trong năm trước				
Lãi/ (lỗ) trong năm trước			(2.665.353.024)	(2.665.353.024)
Phân phối lợi nhuận				
Số dư cuối năm trước	<u>255.000.000.000</u>	<u>2.019.000.000</u>	<u>10.989.865.648</u>	<u>268.008.865.648</u>
Số dư đầu năm nay	255.000.000.000	2.019.000.000	10.989.865.648	268.008.865.648
Tăng trong năm nay	255.000.000.000			255.000.000.000
Lãi/ (lỗ) trong năm nay			29.736.992.163	29.736.992.163
Giảm trong năm nay		(88.000.000)		(88.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>510.000.000.000</u>	<u>1.931.000.000</u>	<u>40.726.857.811</u>	<u>552.657.857.811</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Bá Huấn	32.990.000.000	6,47%	100.000.000	0,04%
Ông Nguyễn Gia Long	165.000.200.000	32,35%	12.249.200.000	4,80%
Các cổ đông khác	312.009.800.000	61,18%	242.650.800.000	95,16%
	<u>510.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>255.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	255.000.000.000	255.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	255.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	<u>510.000.000.000</u>	<u>255.000.000.000</u>

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa - Công ty mẹ	638.048.615.321	12.866.920.534
- Doanh thu bán hàng hóa - Công ty con	2.900.781.220	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	640.949.396.541	12.866.920.534

(*): Doanh thu bán hàng hóa năm 2021 tăng 628.082.476.007 VND so với năm 2020.

Nguyên nhân là do trong năm 2021, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng và đã kí kết thành công nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa thương mại. Trong đó, chiếm ưu thế chính là mặt hàng thực phẩm đông lạnh (chiếm 85% trên tổng doanh thu); mặt hàng vật liệu xây dựng (thép) và máy xây dựng ... (chiếm 15% trên tổng doanh thu).

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa - Công ty mẹ	584.801.157.792	12.239.482.637
- Giá vốn bán hàng hóa - Công ty con	2.705.934.900	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Cộng	587.507.092.692	12.239.482.637

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	740.238.648	97.683
Cộng	740.238.648	97.683

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	91.956.097	128.745.804
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư		(313.355.864)
Cộng	91.956.097	(184.610.060)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	164.031.579	39.369.474
Cộng	164.031.579	39.369.474

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		53.300.610
- Chi phí nhân công	1.341.967.369	1.052.941.705
- Chi phí khấu hao	541.475.503	601.741.452
- Chi phí dự phòng	14.135.671.280	1.008.062.205
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.982.376	570.853.642
- Chi phí khác bằng tiền	67.327.359	23.219.323
Cộng	17.043.423.887	3.316.118.937

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	28.353.471	15.227.749
Cộng	28.353.471	15.227.749

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi chậm nộp thuế (Công ty chủ động kê khai và tự nộp)	37.572.417	
- Khoản phạt theo Quyết định 337/QĐ-CCT-Ktr2-XPVPHC của Cơ quan Thuế.	82.786.176	
- Các khoản khác		137.238.002
Cộng	120.358.593	137.238.002

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm nay	7.054.133.649	-

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	29.736.992.163	(2.665.353.024)
Các khoản điều chỉnh		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST (*)		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.736.992.163	(2.665.353.024)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.757.534	25.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.111	(105)

(*): Công ty chưa ước tính phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Do đó, việc tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay không bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.277.524.504		501.827.555	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	195.036.465.736	(34.018.102.319)	341.254.022.232	(19.884.368.834)
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	337.313.990.240	(34.018.102.319)	341.755.849.787	(19.884.368.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	670.850.000	948.410.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.223.149.081	82.032.220.816
Chi phí phải trả	3.598.192.625	1.519.078.636
Cộng	29.492.191.706	84.499.709.452

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.277.524.504		142.277.524.504	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	114.034.965.736	81.001.500.000	195.036.465.736	
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	256.312.490.240	81.001.500.000	-	337.313.990.240
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	501.827.555		501.827.555	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	222.252.522.232	119.001.500.000	341.254.022.232	
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Cộng	222.754.349.787	119.001.500.000	-	341.755.849.787

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	277.560.000	393.290.000		670.850.000
Phải trả người bán, phải trả	22.223.149.081	3.000.000.000		25.223.149.081
Chi phí phải trả	3.598.192.625	-		3.598.192.625
Cộng	26.098.901.706	3.393.290.000	-	29.492.191.706
Số đầu năm				
Vay và nợ	277.560.000	670.850.000		948.410.000
Phải trả người bán, phải trả	82.032.220.816	-		82.032.220.816
Chi phí phải trả	1.519.078.636	-		1.519.078.636
Cộng	83.828.859.452	670.850.000	-	84.499.709.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên	638.048.615.321	-		638.048.615.321	
Chi phí bộ phận	584.801.157.792	-		584.801.157.792	
Kết quả kinh doanh bộ phận	53.247.457.529	-		53.247.457.529	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				17.207.455.466	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				36.040.002.063	
Doanh thu hoạt động tài chính				740.238.648	
Chi phí tài chính				91.956.097	
Thu nhập khác				28.353.471	
Chi phí khác				120.358.593	
Thuế TNDN hiện hành				7.054.133.649	
Lợi nhuận sau thuế				29.542.145.843	

31. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	Công ty hợp tác kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

b. Số dư với bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Bá Huấn	-	30.000.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	42.000.000.000	118.189.417.000
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	17.744.055.199	18.320.523.158
Phải thu khác dài hạn		
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	24.000.000.000	24.000.000.000
Phải trả khác		
Ông Nguyễn Gia Long	-	50.000.000.000
c. Giao dịch với bên liên quan		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu lại tiền tạm ứng		
Ông Nguyễn Bá Huấn	30.000.000.000	
Ông Vũ Tuấn Hoàng	20.000.000.000	
Trả nợ khác		
Ông Nguyễn Gia Long	50.000.000.000	
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lưu Quang Minh	240.000.000	-
Ông Nguyễn Bá Huấn	260.000.000	260.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	260.000.000	260.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	234.000.000	234.000.000
Cộng	994.000.000	754.000.000

(Công ty chưa chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, do chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua)

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như Kon Tum, Ph.Nhân
Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Tươi

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh